

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2, CN1, Cụm CN Vừa và Nhỏ Từ Liêm - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV năm tài chính 2012, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.037.956.043.083	878.527.886.758
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	131.788.266.701	59.926.054.161
1. Tiền	111		63.188.266.701	15.868.054.161
2. Các khoản tương đương tiền	112		68.600.000.000	44.058.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		17.142.346.922	10.387.880.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	30.023.399.863	26.385.589.786
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(12.881.052.941)	(15.997.709.786)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		374.448.681.498	350.423.116.905
1. Phải thu khách hàng	131		308.903.477.165	338.540.931.743
2. Trả trước cho người bán	132		21.956.874.932	8.433.040.879
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		957.954.347	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	48.673.087.469	4.855.589.421
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(6.042.712.415)	(1.406.445.138)
IV. Hàng tồn kho	140		394.395.398.118	354.578.997.874
1. Hàng tồn kho	141	V.6	396.118.719.864	354.719.585.539
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.723.321.746)	(140.587.665)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		120.181.349.844	103.211.837.818
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	6.567.813.703	2.642.183.595
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		35.144.563.105	2.699.993.447
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	123.146.142	966.111.714
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	78.345.826.894	96.903.549.062



Cho quý IV năm tài chính 2012, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết		
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		580.838.103.829	588.643.437.436
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		448.057.614.061	415.021.451.682
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	326.589.004.515	327.687.977.788
<i>Nguyên giá</i>	222		473.241.391.407	446.084.864.054
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(146.652.386.892)	(118.396.886.266)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	5.722.161.643	6.599.023.627
<i>Nguyên giá</i>	225		8.350.827.544	8.350.827.544
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(2.628.665.901)	(1.751.803.917)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	45.476.964.166	49.409.912.258
<i>Nguyên giá</i>	228		50.059.691.948	52.478.891.948
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4.582.727.782)	(3.068.979.690)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	70.269.483.737	31.324.538.009
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		50.309.935.064	91.292.563.595
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	655.000.000	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	25.360.790.164	37.882.563.595
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.16	24.294.144.900	53.410.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.17	-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		16.027.272.793	7.749.408.029
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.18	15.618.926.624	7.071.090.665
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.19	183.346.169	453.317.364
3. Tài sản dài hạn khác	268		225.000.000	225.000.000
VI. Lợi thế thương mại	269	V.20	66.443.281.911	74.580.014.130
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.618.794.146.912	1.467.171.324.194

Cho quý IV năm tài chính 2012, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.194.966.648.785	1.043.670.369.854
I. Nợ ngắn hạn	310		1.020.784.090.881	908.528.725.926
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.21	741.410.643.520	771.740.350.948
2. Phải trả người bán	312		243.748.543.840	100.814.915.516
3. Người mua trả tiền trước	313		1.982.139.086	1.034.229.691
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22	12.573.365.931	11.589.590.236
5. Phải trả người lao động	315		7.593.862.657	5.408.537.957
6. Chi phí phải trả	316	V.23	8.305.685.087	11.519.103.425
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.24	4.798.067.850	1.723.296.779
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	V.25	371.782.910	4.698.701.374
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		174.182.557.904	135.141.643.928
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.26	10.431.674.000	14.406.625.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.27	130.698.406.939	86.829.766.579
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		39.725.430	306.475.632
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.28	33.012.751.535	33.598.776.717
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		366.265.031.826	371.601.085.608
I. Vốn chủ sở hữu	410		366.265.031.826	371.601.085.608
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.29	267.107.230.000	267.107.230.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		69.047.988.652	69.047.988.652
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(9.484.460.000)	(9.976.769.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	1.062.518.382
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.770.760.273	4.191.115.097
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.026.895.033	2.095.557.549
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		31.796.617.868	38.073.444.928
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
C - LỢI ÍCH CỎ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		57.562.466.302	51.899.868.732
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.618.794.146.912	1.467.171.324.194

Cho quý IV năm tài chính 2012, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		503.803,4	14.943,99
Euro (EUR)		-	-
Dollar Singapore (SGD)		-	-
Yên Nhật (¥)		-	-
Dollar Úc (AUD)		-	-
Bảng Anh (£)		-	-
Dollar Canada (CAD)		-	-
...		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

Lê Thị Thanh Huyền

Lê Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Như Dung

Nguyễn Thị Như Dung

Lập ngày 18 tháng 02 năm 2013

Tổng Giám đốc



Lê Hoàng Hà

Lê Hoàng Hà

G.T.C.P
★
I.O.A.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2, CN1, Cụm CN Vừa và Nhỏ Từ Liêm - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV năm tài chính 2012, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý IV Năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	652.947.502.381	603.354.979.575	2.150.622.851.866	1.958.865.149.087
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1.994.863.626	1.333.400.745	4.460.840.522	2.537.907.290
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		650.952.638.755	602.021.578.830	2.146.162.011.344	1.956.327.241.797
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	572.582.284.808	529.251.104.230	1.881.015.138.571	1.692.584.737.602
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		78.370.353.947	72.770.474.600	265.146.872.773	263.742.504.195
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	3.656.691.335	3.857.128.650	8.778.646.521	18.158.725.150
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	25.037.616.512	53.330.728.228	119.296.217.694	156.100.226.058
Trong đó: chi phí lãi vay	23		25.159.049.980	42.988.249.625	116.364.904.867	113.085.119.060
8. Chi phí bán hàng	24	VI.6	25.006.405.833	17.816.232.156	76.702.224.034	59.156.844.078
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	24.697.647.648	13.713.979.399	63.127.259.507	40.465.825.823
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.285.375.289	(8.233.336.533)	14.799.818.059	26.178.333.386
11. Thu nhập khác	31	VI.8	530.544.667	472.105.430	2.254.621.806	11.587.407.353
12. Chi phí khác	32	VI.9	92.915.796	1.519.672.377	3.754.934.187	10.465.269.891
13. Lợi nhuận khác	40		437.628.871	32.394.319	(1.500.312.381)	1.122.137.462
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		(146.626.480)	(747.217.954)	(649.261.880)	(569.436.405)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.576.377.680	(8.948.160.168)	12.650.243.798	26.731.034.443
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2.907.214.210	(583.152.933)	5.202.798.003	8.075.557.638

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		9.665.459	(196.780.589)	269.971.195	(144.280.589)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>4.659.498.011</u>	<u>(8.168.226.646)</u>	<u>7.177.474.600</u>	<u>18.799.757.394</u>
18..Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		1.197.177.500	(1.093.396)	1.858.644.412	4.308.627.998
18..Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		3.462.320.511	(8.167.133.250)	5.318.830.188	14.491.129.396
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		<u>135</u>	<u>(340)</u>	<u>370</u>	<u>586</u>

Người lập biểu



Lê Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Như Dung

Lập ngày 18 tháng 02 năm 2013

Tổng Giám đốc



Lê Hoàng Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô 2 CN1, Cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho quý IV năm tài chính 2012, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Phương pháp gián tiếp)*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thu yết min h	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		12.650.243.798	26.731.034.443
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		36.891.985.668	28.624.975.909
- Các khoản dự phòng	03		3.102.344.513	17.179.729.889
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	-	765.018.088
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(990.059.364)	(6.164.649.496)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	116.364.904.867	113.085.119.060
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		168.019.419.482	180.221.227.893
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		20.490.516.291	(188.555.919.611)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(41.399.134.325)	(82.879.313.202)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		134.831.300.097	23.799.613.056
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(12.473.466.067)	(1.004.512.971)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(119.798.251.974)	(111.058.541.697)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.21	(4.968.305.558)	(22.059.973.026)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.514.249.058	6.451.311.868
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3.521.394.001)	(4.285.339.433)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		142.694.933.003	(199.371.447.122)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(73.012.254.079)	(74.896.440.189)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		926.488.131	10.684.613.212
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đvị khác	23		(29.112.046.922)	(51.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		14.700.000.000	45.700.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.025.000.000)	(45.842.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.796.939.145	3.168.447.474
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(83.725.873.725)	(112.185.379.503)



Cho quý IV năm tài chính 2012, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		2.649.000.000	
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(2.156.691.000)	(7.530.045.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.573.150.253.451	1.516.349.864.862
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.559.470.809.733)	(1.202.470.852.855)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(1.273.500.000)	(629.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(19.553.925.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		12.898.252.718	286.166.042.007
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		71.867.311.996	(25.390.784.618)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	59.926.054.161	85.311.739.324
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		(5.099.456)	5.099.456
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	131.788.266.701	59.926.054.161
				0

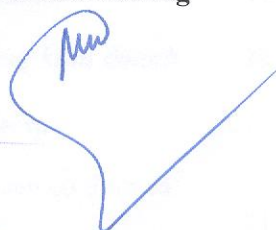
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 18 tháng 02 năm 2013

Tổng giám đốc








Lê Hoàng Hà

Lê Thị Thanh Huyền

Nguyễn Thị Như Dung

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2012, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm tài chính 2012, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm tài chính 2012, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (Công ty mẹ) và các Công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại
- Hoạt động kinh doanh chính trong năm** : Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp như bồn chứa nước, chậu rửa và bình năng lượng Thái Dương năng, ống công nghiệp, ống trang trí.

- Tổng số các Công ty con:** 03

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 02

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 01

5. Danh sách công ty con không được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	Khu Công nghiệp Bắc Chu Lai, Xã Tam Hiệp, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam.	100%	100%

6. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	210 lô B, chung cư Sơn Kỳ, đường CC2, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh	51%	51%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex	Số 8, đường Quang Trung, Phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	71,13%	71,13%

7. Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ phần lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng	B14-TT18 Khu đô thị mới Văn Quán, Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	30%	30%
Công ty Cổ phần Năng lượng Sơn Hà	Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp	48,41%	48,41%

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2012, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2012 (tiếp theo)

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ phần lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
	nhỏ và vừa Từ Liêm, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội		

8. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 Công ty có 908 nhân viên đang làm việc tại (cuối năm trước là 910 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (Công ty mẹ) và các Công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2012, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2012 (tiếp theo)

động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chỉ phát tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2012, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2012 (tiếp theo)

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết giá trị còn lại của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

6. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

8. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2012, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2012 (tiếp theo)

tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 42
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính được công bố tại thuyết minh số IV.9.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2012, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2012 (tiếp theo)

tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

13. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

14. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí xây dựng các showroom, Chi phí sửa chữa tài sản

Được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng, tư vấn bảo lãnh phát hành trái phiếu

Chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng, chi phí tư vấn bảo lãnh phát hành trái phiếu được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng thuê tài sản và thời hạn phát hành trái phiếu.

15. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2012, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2012 (tiếp theo)

của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thẳng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	Mục đích
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty
• Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự phòng tài chính được dùng để chi cho các tổn thất, thiệt hại phát sinh trong hoạt động SXKD như các khoản phạt vi phạm chế độ tài chính, các khoản phạt về thực hiện hợp đồng, các khoản phạt vi phạm khác.
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

Các quỹ được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2012, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2012 (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Công ty không thực hiện đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2012.

20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

21. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2012, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2012 (tiếp theo)

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

22. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phân loại nợ phải trả tài chính

Phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2012, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2012 (tiếp theo)

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2012, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2012 (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2012:

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	32.363.066.472	1.838.458.446
Tiền gửi ngân hàng ^(*)	30.825.200.229	13.443.960.715
Tiền đang chuyển		585.635.000
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)	68.600.000.000	44.058.000.000
Cộng	131.788.266.701	59.926.054.161
(*) Trong đó: Tiền gửi tại Tài khoản phong tỏa	5.000.000.000	5.000.000.000

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn:		23.111.352.941		26.385.589.786
HSG (**)	100.000	1.980.000.000	110.000	2.178.000.000
HUT			98.000	1.967.358.845
OGC			12.000	245.000.000
PET (**)	210.000	3.822.000.000	217.290	3.954.678.000
PVX (**)	640.600	12.824.352.941	612.000	12.824.352.941
TBC			44.500	605.200.000
VND (**)	230.000	4.485.000.000	230.000	4.485.000.000
HPC			12.000	126.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác:		6.912.046.922		
Công ty CP Hiway VN Vay tiền theo HĐ số 02/2011 ngày 02/01/2012		5.912.046.922		
Đầu tư ngắn hạn khác		1.000.000.000		
Cộng		30.023.399.863		26.385.589.786

(**) Số cổ phiếu này bị phong tỏa để thực hiện Hợp đồng cầm cố chứng khoán số 101210 HĐCC/AMC-SHI ngày 10 tháng 12 năm 2010 giữa Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà với Công ty TNHH một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Là khoản dự phòng giảm giá các cổ phiếu, tình hình biến động như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	15.997.709.786	334.480.000
Trích lập dự phòng bổ sung	3.987.120.000	15.663.229.786
Hoàn nhập dự phòng	(7.103.776.845)	
Số cuối kỳ	12.881.052.941	15.997.709.786

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2012, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2012 (tiếp theo)**4. Các khoản phải thu khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu lãi tiền cho vay	719.963.844	2.384.388.887
Phải thu các khoản cho vay không tính lãi		115.034.000
Thuế GTGT của TSCĐ thuê tài chính	118.052.870	197.592.746
Phải thu về chuyển nhượng vốn	45.940.000.000	
Các công ty Điện lực EVN - tiền hỗ trợ lắp đặt Thải dương năng		1.535.000.000
Các khoản phải thu khác	1.895.070.755	623.573.788
Cộng	48.673.087.469	4.855.589.421

5. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(6.042.712.415)	(1.406.445.138)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	(5.794.796.715)	(1.158.529.438)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	(47.915.700)	(47.915.700)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	(200.000.000)	(200.000.000)
Cộng	(6.042.712.415)	(1.406.445.138)

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	33.657.677.044	32.431.074.033
Nguyên liệu, vật liệu	227.000.808.959	170.939.879.256
Công cụ, dụng cụ	7.077.985.205	5.252.944.520
Thành phẩm	103.237.207.500	120.174.486.742
Hàng hóa	24.929.836.328	25.705.996.023
Hàng gửi đi bán	215.204.965	215.204.965
Cộng	396.118.719.864	354.719.585.539

7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng hóa	1.723.321.746	140.587.665
Cộng	1.723.321.746	140.587.665

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	330.669.664	302.198.272
Công cụ dụng cụ	1.120.293.432	1.157.441.847
CP quảng cáo	1.529.436.020	901.779.581
Chi phí thuê nhà	286.254.193	
Chi phí giải phóng mặt bằng cụm CN NM Phùng	2.419.200.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2012, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2012 (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí khác	881.960.394	280.763.895
Cộng	6.567.813.703	2.642.183.595

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Là thuế Thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.

10. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	67.219.628.517	92.390.383.158
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11.126.198.377	4.495.752.334
Tài sản thiếu chờ xử lý		17.413.570
Cộng	78.345.826.894	96.903.549.062

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	184.011.368.258	205.917.005.598	48.286.562.694	7.869.927.504	446.084.864.054
Mua trong kỳ	1.198.240.210	19.122.011.143	12.765.772.018	3.643.145.923	36.729.169.294
Thanh lý trong kỳ		(9.381.340.677)		(128.445.809)	(9.509.786.486)
Giảm do mất				(62.855.455)	(62.855.455)
Số cuối kỳ	185.209.608.468	215.657.676.064	61.052.334.712	11.321.772.163	473.241.391.407
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	13.196.159.446	87.411.214.541	14.849.466.114	2.940.046.165	118.396.886.266
Khấu hao trong kỳ	6.436.472.989	21.749.733.969	4.738.768.279	1.576.400.355	34.501.375.592
Thanh lý trong kỳ		(6.122.795.582)		(123.079.384)	(6.245.874.966)
Giảm do mất					
Số cuối kỳ	19.632.632.435	103.038.152.928	19.588.234.393	4.393.367.136	146.652.386.892
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	170.815.208.812	118.505.791.057	33.437.096.580	4.929.881.339	327.687.977.788
Số cuối kỳ	165.576.976.033	112.619.523.136	41.464.100.319	6.928.405.027	326.589.004.515

12. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	6.293.514.270	2.057.313.274	8.350.827.544
Số cuối kỳ	6.293.514.270	2.057.313.274	8.350.827.544
Giá trị hao mòn			

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2012, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2012 (tiếp theo)

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Số đầu năm	1.631.793.971	120.009.946	1.751.803.917
Khấu hao trong năm	671.130.648	205.731.336	876.861.984
Số cuối kỳ	2.302.924.619	325.741.282	2.628.665.901
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	4.661.720.299	1.937.303.328	6.599.023.627
Số cuối kỳ	3.990.589.651	1.731.571.992	5.722.161.643

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	50.336.409.435	2.142.482.513	52.478.891.948
Giảm do tách phần chi phí giải phóng mặt bằng KCN NM Phùng	(2.419.200.000)		(2.419.200.000)
Số cuối kỳ	47.917.209.435	2.142.482.513	50.059.691.948
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.889.411.739	1.179.567.951	3.068.979.690
Khấu hao trong năm	1.079.409.916	434.338.176	1.513.748.092
Số cuối kỳ	2.968.821.655	1.613.906.127	4.582.727.782
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	48.446.997.696	962.914.562	49.409.912.258
Số cuối kỳ	44.948.387.780	528.576.386	45.476.964.166

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào tài sản cố định trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	2.804.441.162	16.481.121.216	(1.668.864.769)		17.616.697.609
Siêu thị Vinaconex Plaza	3.424.596.847	31.699.867.808	(8.438.412.951)		26.686.051.704
Quyền sử dụng đất tại Hóc Môn ^(*)	25.055.000.000	17.093.700			25.072.093.700
Hạng mục mở rộng Xưởng Phùng		1.546.081.634	(752.600.910)		793.480.724
Sửa chữa tài sản	40.500.000	101.160.000	(40.500.000)		101.160.000
Cộng	31.324.538.009	49.845.324.358	(10.900.378.630)		70.269.483.737

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2012, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2012 (tiếp theo)

(*) Quyền sử dụng đất 5.786,5 m² tại xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh. Hiện Công ty đang hoàn tất các thủ tục pháp lý để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

15. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Hoạt động chính	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn ⁽ⁱ⁾	Sản xuất, thương mại	80.000.000.000	51%	51%	51%	51%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh thương mại Vinaconex ⁽ⁱⁱ⁾	Kinh doanh siêu thị	63.932.530.000	71,13%	0%	71,13%	0%
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai ⁽ⁱⁱⁱ⁾	Kinh doanh các SP inox	10.000.000.000	100%	0%	100%	0%

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0307526635 ngày 04 tháng 3 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn 40,8 tỷ VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ 40,8 tỷ VND (trong đó vốn gốc là 19.890.000.000 VND, đánh giá tăng: 20.910.000.000 VND).

(ii) Công ty đầu tư mua cổ phần phổ thông tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 0148/2011/HĐ-PC ngày 24 tháng 5 năm 2011, giữa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (bên chuyển nhượng) và Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (bên nhận chuyển nhượng) để nắm giữ 4.547.647 cổ phiếu, tương đương 71,13% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000900618 ngày 31 tháng 10 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam cấp, Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà – Chu Lai có vốn điều lệ :10.000.000.000 đồng. Công ty góp 100% vốn điều lệ, vậy đến thời điểm 31/12/2012 Công ty đã góp vốn tại Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai là 655.000.000đồng.

16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng ⁽ⁱ⁾	Kinh doanh bất động sản	30%	15.000.000.000	30%	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà ⁽ⁱⁱ⁾	Sản xuất, thương mại	48,41%	10.360.790.164	48,41%	10.003.758.722
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên Năng lượng Thăng Long ⁽ⁱⁱⁱ⁾	Kinh doanh bất động sản			45%	12.878.804.873
Cộng			25.360.790.164		37.882.563.595

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2012, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2012 (tiếp theo)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0103003387 ngày 12 tháng 4 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng 15.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Tại thời điểm ngày 31/12/2011 Công ty đã góp đủ: 15.000.000.000 VND. Trong đó, vốn đầu tư của Sơn Hà là 50% và vốn nhận ủy thác đầu tư là 50%
- (ii) Trong năm 2011, Công ty đã mua thêm 737.200 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà để nắm giữ 968.200 cổ phiếu, tương đương 48,41% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Năng lượng Sơn Hà.
- (iii) Ngày 04 tháng 01 năm 2011, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Sơn Hà đã thông qua phương án ủy thác đầu tư mua vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài Nguyên và Năng lượng Thăng Long như sau: Ủy thác cho ông Lê Vĩnh Sơn 25%, ủy thác cho ông Lê Hoàng Hà 20%. Tổng số cổ phần được ủy thác mua là 9.000.000 cổ phần tương ứng 45% vốn điều lệ. Tại thời điểm 30 tháng 09 năm 2012, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Tài Nguyên và Năng lượng Thăng Long thông qua ủy thác đầu tư số tiền 14.040.000.000 VND và sở hữu 272.700 cổ phần tương đương với 45% số vốn đã góp thực tế của các cổ đông. Sang đến Quý 4 năm 2012 Công ty đã bán toàn bộ phần vốn đã góp cho đơn vị khác.

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết đã được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ như sau:

	Giá gốc của khoản đầu tư	Tăng, giảm giá trị khoản đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu, thoái vốn	Giá trị khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng	15.000.000.000	-	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	9.682.000.000	678.790.164	10.360.790.164
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên Năng lượng Thăng Long	14.040.000.000	(14.040.000.000)	
Cộng	38.722.000.000	13.361.209.836	25.360.790.164

17. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào đơn vị khác		4.210.000.000		38.410.000.000
Đầu tư dự án Paradise Garden ⁽ⁱ⁾				12.500.000.000
Công ty Bất động sản Havico		2.710.000.000		2.710.000.000
Công ty CP Hiway Việt Nam		1.500.000.000		
Đầu tư dự án “Tổ hợp công trình đa chức năng Sông Hồng” ⁽ⁱⁱ⁾				23.200.000.000
Cho vay dài hạn		20.084.144.900		15.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đô thị Kiến Hưng ⁽ⁱⁱⁱ⁾		20.084.144.900		15.000.000.000
Cộng		24.294.144.900		53.410.000.000

- (i) Hợp đồng hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh số 01/HĐHTĐTXD&KD về việc Hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh Hạ tầng kỹ thuật dự án: Khu nhà ở cao cấp và dịch vụ du lịch Đà Lạt

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2012, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2012 (tiếp theo)

Paradise Garden giữa Tổng công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hợp Phú và Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà, vốn góp dự kiến của dự án là 50 tỷ VND trong đó Sơn Hà góp 25%, tương đương 12,5 tỷ VND. Đến 31 tháng 12 năm 2012, Sơn Hà đã bán phần vốn góp sang cho đơn vị khác.

- (ii) Hợp đồng hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh số 11/2011/HĐHTĐT ngày 24/01/2011 về việc hợp tác đầu tư vào dự án “Tổ hợp công trình đa chức năng Sông Hồng Tower” giữa Tổng công ty Cổ phần Sông Hồng, Công ty Cổ phần Đầu tư Reenco Sông Hồng, Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà và Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Ngọc, vốn góp dự kiến của dự án là 240 tỷ VND, trong đó Công ty góp 35%, tương đương 84 tỷ VND và ủy thác cho Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Ngọc mua 19% quyền góp vốn vào dự án theo Hợp đồng ủy quyền đầu tư vốn số 02/2011/HDUT/MINHNGOC - SONHA ngày 05 tháng 01 năm 2011. Đến thời điểm 30 tháng 9 năm 2012, Công ty đã góp được 1,85 tỷ VND theo tiến độ hợp đồng, số còn phải góp theo tiến độ là 0,6 tỷ VND. Giá trị khoản đầu tư ủy thác cho Công ty Minh Ngọc là 21,45 tỷ VND gồm: Tiền mua 19% quyền góp vốn vào dự án với giá 20,5 tỷ VND và tiền góp vốn đợt 1 số tiền tương ứng với 19% là 0,95 tỷ VND, tiền góp vốn đợt 2 tương ứng với 19% chưa góp là 0,38 tỷ VND. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012 Công ty đã bán phần vốn góp sang cho đơn vị khác.
- (iii) Hợp đồng vay vốn số 21/2011/HĐVV ngày 06/11/2011 về việc cho vay bổ sung vốn lưu động giữa Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà và Công ty Cổ phần Đầu tư Đô thị Kiến Hưng, lãi suất cho vay được xác định theo lãi suất cho vay trung và dài hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân. Lãi suất tại thời điểm vay là 19%.

18. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Công cụ dụng cụ	4.185.259.305	1.392.393.629	3.801.486.493	1.776.166.441
Chi phí marketing và nghiên cứu thị trường				
Phí bảo hiểm tài sản	3.249.956		3.249.956	
Chi phí sửa chữa tài sản	1.450.743.918	734.991.995	2.185.735.913	
Bảo lãnh phát hành trái phiếu	1.271.146.916		1.271.146.916	
Chi phí đền bù siêu thị Vinaconex		6.186.620.340		6.186.620.340
Các chi phí khác	160.690.570	9.676.881.429	2.181.432.156	7.656.139.843
Cộng	7.071.090.665	17.990.887.393	9.443.051.434	15.618.926.624

19. Lợi thế thương mại

Là khoản lợi thế thương mại phát sinh khi mua lại Công ty con. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	74.580.014.130
Số phát sinh giảm trong kỳ	(500.000.000)
Số phân bổ vào kết quả kinh doanh trong kỳ	(7.636.732.219)
Số cuối kỳ	66.443.281.911

20. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	656.874.779.902	701.074.600.741

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2012, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2012 (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	89.260.551.214	114.280.631.574
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	13.846.467.100	34.605.783.657
Ngân hàng TMCP Hàng hải	74.541.917.046	174.086.253.785
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	65.242.356.316	56.677.416.568
- Chi nhánh Thanh Xuân		
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	202.851.888.718	148.564.953.348
- Chi nhánh Chương Dương		
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình	63.900.365.026	47.604.874.792
Ngân hàng TMCP Nam Việt - Chi nhánh Hà Nội	13.000.000.000	107.317.992.574
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam		17.936.694.443
- Chi nhánh Sài Gòn		
Ngân hàng TMCP BIDV Hà Tây	115.940.182.559	
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	18.291.051.923	
- Chi nhánh Kỳ Đồng		
Vay ngắn hạn các tổ chức cá nhân khác	50.000.000	
Vay dài hạn đến hạn trả	33.359.638.804	28.567.750.207
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	1.126.224.814	1.698.000.000
Trái phiếu phát hành đến hạn trả	50.000.000.000	40.400.000.000
Cộng	741.410.643.520	771.740.350.948

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Vay ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	Trái phiếu phát hành đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	701.074.600.741	28.567.750.207	1.698.000.000	40.400.000.000	771.740.350.948
Tiền vay phát sinh trong kỳ	1.489.625.754.675				1.489.625.754.675
Số kết chuyển		35.059.638.805	1.126.224.814	50.000.000.000	86.185.863.619
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá đầu kỳ	1.157.396.301	209.143.603			1.366.539.904
Tiền vay đã trả trong kỳ	(1.533.563.213.634)	(30.286.589.606)	(1.698.000.000)	(40.400.000.000)	(1.605.947.803.240)
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	(1.369.758.181)	(190.304.205)			(1.560.062.386)
Số cuối kỳ	656.874.779.902	33.359.638.804	1.126.224.814	50.000.000.000	741.410.643.520

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.470.076.224	5.678.271.511	11.148.347.735	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	2.699.226.871	81.457.875.345	80.086.602.620	4.070.499.596
Thuế xuất, nhập khẩu	34.789.592	5.096.806.902	5.066.802.428	64.794.066
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.384.028.222	5.202.798.004	4.968.305.558	2.618.520.668

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2012, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2012 (tiếp theo)

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế thu nhập cá nhân	35.103.593	680.484.141	600.793.356	114.794.378
Tiền thuê đất		5.646.140.711	70.783.650	5.575.357.144
Các loại thuế khác	254.020	18.000.000	12.000.000	6.254.020
Cộng	10.623.478.522	103.780.376.614	101.953.635.347	12.450.219.872

<i>Trong đó:</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12.573.365.931	11.589.590.236
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	(123.146.142)	(966.111.714)
Cộng	12.450.219.872	10.623.478.522

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

Hàng hóa xuất khẩu	0%
Hàng hóa trong nước	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.650.243.798	26.731.034.443
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	9.693.640.685	5.571.196.106
- Các khoản điều chỉnh tăng	15.724.494.039	7.081.814.308
Lỗ của các Chi nhánh		897.553.023
Lỗ của Công ty con	4.690.517.623	
Lỗ trong Công ty liên kết	649.261.880	569.436.405
Lợi thế thương mại	7.636.732.219	1.912.308.055
Chi phí không hợp lệ	2.703.096.569	1.677.255.619
Lãi CLTG do đánh giá lại số dư cuối kỳ các khoản nợ phải trả		1.086.824.841
Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ	44.885.748	938.436.365
- Các khoản điều chỉnh giảm	(6.030.853.354)	(1.510.618.202)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(578.000.000)	(562.799.000)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản phải trả ngắn hạn năm trước	(1.086.824.841)	
Lãi đã thực hiện do hợp nhất kinh doanh	(1.091.417.041)	
Trích lập dự phòng đầu tư vào Công ty con	(3.783.504.224)	
Trích lập dự phòng đầu tư vào Công ty liên kết	(65.083.352)	(280.331.835)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2012, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2012 (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu, giảm trừ		(306.173.359)
Lãi Công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ		
Hoàn nhập dự phòng Công ty liên kết	345.415.187	
Hoàn nhập dự phòng Công ty con Vinaconex	228.560.917	
Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ năm trước đã thực hiện trong năm nay		(361.314.008)
Thu nhập tính thuế	22.343.884.483	32.302.230.549
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5.585.971.120	8.075.557.636
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 30%	383.173.116	
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước		
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5.202.798.004	8.075.557.636

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất theo 2 hợp đồng: Hợp đồng thuê đất số 98-2005/TNMTNĐ-HĐTĐTN ngày 07 tháng 7 năm 2005 diện tích 8.793 m² đất tại lô CN1 cụm công nghiệp tập trung vừa và nhỏ xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, Hà Nội với mức 106.313 VND/m². Và hợp đồng thuê đất số 06 HD/TĐ ngày 14 tháng 1 năm 2008 diện tích 44.800 m² tại cụm công nghiệp thị trấn Phùng - huyện Đan Phượng - tỉnh Hà Tây với mức 87.789 VND/m².

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

22. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	7.613.535.096	11.046.882.203
Chi phí sản xuất kinh doanh	692.149.991	472.221.222
Cộng	8.305.685.087	11.519.103.425

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	609.121.715	566.581.746
Bảo hiểm xã hội	166.071.952	15.057.208
Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	2.359.383.058	979.827.000
Phải trả khác	1.663.491.125	161.830.825
Cộng	4.798.067.850	1.723.296.779

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Cộng
Số đầu năm	4.673.170.874	25.530.500	4.698.701.374

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2012, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2012 (tiếp theo)

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Cộng
Trích lập từ lợi nhuận	144.911.294		144.911.294
Tăng khác	134.693.000		134.693.000
Chi quỹ trong năm	(53.443.000)		(53.443.000)
Thưởng cho Ban điều hành theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2011	(2.649.000.000)		(2.649.000.000)
Hoàn nhập số đã tạm trích từ năm trước	(1.904.079.758)		(1.904.079.758)
Số cuối kỳ	346.252.410	25.530.500	371.782.910

25. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	1.131.674.000	1.206.625.000
Nhận ủy thác đầu tư vào Công ty Kiến Hưng	9.300.000.000	10.700.000.000
Nhận ủy thác đầu tư vào Dự án Paradise Đà Lạt		2.500.000.000
Cộng	10.431.674.000	14.406.625.000

26. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	130.027.979.939	35.043.114.765
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch ^(a)		1.081.918.712
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam ^(b)	725.600.000	3.181.411.302
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở Giao dịch ^(c)	7.880.666.615	12.142.208.603
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây ^(d)	106.511.579.323	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng ^(e)	10.500.000.000	
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ^(f)	2.261.131.360	15.203.493.507
Ngân hàng TMCP Quân đội-Chi nhánh Mỹ Đình ^(g)	318.000.000	
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Chợ Lớn ^(h)	1.761.592.641	3.197.992.641
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	69.410.000	236.090.000
Nợ dài hạn (Công ty cho thuê tài chính - Ngân hàng Công thương Việt Nam)	670.427.000	1.786.651.814
Trái phiếu công ty		50.000.000.000
Trái phiếu Công ty thời hạn 3 năm – Lãi suất 16,25%/năm ^(k)		50.000.000.000
Cộng	130.698.406.939	86.829.766.579

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2012, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2012 (tiếp theo)

- (a) Vay ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 1 theo hợp đồng số 147831/HĐTDTH ngày 20 tháng 5 năm 2009, tổng số tiền vay là 9,6 tỷ, thời hạn vay 56 tháng với lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của BIDV + 3,5%/năm, mục đích để thanh toán tiền mua MMTB thuộc dự án nâng cao năng lực sản xuất và tối ưu hóa công suất dây chuyền sản xuất tại Khu công nghiệp Phùng. Khoản vay được đảm bảo bằng máy móc thiết bị nhập khẩu và mua trong nước trị giá 12,93 tỷ VND.
- (b) Vay ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam theo 3 hợp đồng tín dụng Hợp đồng 5897/HĐTD/TH-PN/TCB-HKM ngày 17/09/2009, Hợp đồng 6028/HĐTD/TH-PN/TCB-HKM ngày 16/10/2009 và Hợp đồng tín dụng số 7065/HĐTD/SME-DN/TCB-HKM ngày 14/12/2010 để mua máy móc thiết bị và phương tiện vận chuyển. Khoản vay này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (c) Vay ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam theo 2 hợp đồng tín dụng 01/HĐTD-2010/SONHA-VCB để đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ máy móc thiết bị đầu tư.
- (d) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTDTH ngày 22 tháng 6 năm 2012, số tiền vay là 79.800.000.000 VND với mục đích là cơ cấu tài chính để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 54 tháng, ân hạn gốc vay tối đa đến ngày 25 tháng 3 năm 2013, lãi suất theo quy định về lãi suất tại thời điểm giải ngân. Lãi vay được trả theo kỳ hạn vào ngày 25 hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 4.547.647 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà, thế chấp và bảo lãnh tài sản là quyền sở hữu tòa nhà và quyền khai thác toàn bộ tài sản trên đất tại Trung tâm Thương mại Hà Đông của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex cùng toàn bộ số dư tiền gửi của bên vay tại các TCTD khác.
- Khoản vay Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Hà tây theo hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/2012/HĐTDTH có hạn mức vay 58 tỷ VND, thời hạn vay 60 tháng, mục đích thanh toán các khoản chi phí hợp lý thuộc Dự án ""Cải tạo, nâng cấp Trung tâm thương mại Vinaconex Hà Đông". Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản bất động sản hình thành trên đất, tài sản hình thành từ vốn vay sau đầu tư của dự án Trung tâm thương mại Hà Đông, đồng thời thế chấp toàn bộ số cổ phiếu của công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex do Công ty CP Quốc tế Sơn Hà sở hữu.
- (e) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kỳ Đồng để hoàn vốn chủ sở hữu cho Công ty cổ phần Sơn Hà Sài Gòn của dự án “ Đầu tư xây dựng nhà xưởng tại 292/5 ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh”, với lãi suất được quy định trong từng khế ước. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất tại xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh, và các công trình nhà văn phòng, nhà xưởng gắn liền với đất.
- (f) Vay ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải chi nhánh Sài Gòn theo 2 hợp đồng tín dụng số số 0121/09/SG ngày 19 tháng 9 năm 2009 và số 0025/10/SG.DN ngày 19 tháng 7 năm 2010 để trả tiền mua đất tại xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh và xây dựng nhà văn phòng, nhà xưởng trên đất. Khoản vay được thế chấp bằng giá trị tài sản hình thành từ vốn vay ước tính 38,421 tỷ VND và hàng tồn kho luân chuyển trị giá 25 tỷ đồng;
- (h) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á - Chi nhánh Chợ Lớn để thanh toán tiền mua xe với lãi suất được quy định trong từng khế ước cụ thể. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2012, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2012 (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để thanh toán tiền mua xe với lãi suất được quy định trong từng khế ước cụ thể. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Vay dài hạn ngân hàng	130.027.979.939		130.027.979.939	
Thuê tài chính	670.427.000		670.427.000	
Cộng	130.698.406.939		130.698.406.939	.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	Vay dài hạn ngân hàng, cá nhân	Thuê tài chính	Trái phiếu có bảo đảm	Cộng
Số đầu năm	35.043.114.765	1.786.651.814	50.000.000.000	86.829.766.579
Số tiền vay phát sinh	175.345.509.003			175.345.509.003
Số tiền vay đã trả	(45.203.493.507)			(45.203.493.507)
Số kết chuyển	(35.133.038.935)	(1.126.224.814)	(50.000.000.000)	(86.259.263.749)
Giảm khác	(14.111.387)			(14.111.387)
Số cuối kỳ	130.037.979.939	660.427.000		130.698.406.939

27. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex trả trước tiền thuê tầng 6 tòa nhà số 8 Quang Trung (từ 01/01/2012 đến 31/12/2054)	26.148.144.971	26.455.770.209
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây trả trước tiền thuê 120 m ² tại tầng 1 tòa nhà số 8 Quang Trung (từ 01/01/2012 đến 31/12/2054)	6.864.606.564	7.143.006.508
Cộng	33.012.751.535	33.598.776.717

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2012 (tiếp theo)

28. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	267.107.230.000	69.047.988.652	(9.976.769.000)	1.062.518.382	4.191.115.097	2.095.557.549	38.073.444.928	371.601.085.608
Lợi nhuận trong kỳ							5.318.830.188	5.318.830.188
Trích lập các quỹ trong kỳ					579.645.176	931.337.484	(1.655.893.954)	(144.911.294)
Thưởng cho Ban lãnh đạo bằng cổ phiếu quỹ			2.649.000.000					2.649.000.000
Mua lại cổ phiếu trong kỳ			(2.156.691.000)					(2.156.691.000)
Thù lao Ban kiểm soát								
Hoàn nhập CLTG do đánh giá lại số dư cuối kỳ trước				(1.062.518.382)				(1.062.518.382)
Hoàn nhập số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi các năm trước							1.904.079.758	1.904.079.758
Chia cổ tức							(12.997.331.500)	(12.997.331.500)
Thoái vốn công ty liên kết							1.897.488.448	1.897.488.448
Thù lao HĐQT							(744.000.000)	(744.000.000)
Số dư cuối kỳ	267.107.230.000	69.047.988.652	(9.484.460.000)	-	4.770.760.273	3.026.895.033	31.796.617.868	366.265.031.826

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2012 (tiếp theo)

Tình hình góp vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký kinh doanh	Vốn đã góp của chủ đầu tư
Ông Lê Văn Ngà	25.680.000.000	25.680.000.000
Ông Lê Vĩnh Sơn	61.267.020.000	62.067.020.000
Ông Lê Hoàng Hà	48.150.000.000	48.950.000.000
Cổ đông khác	132.010.210.000	130.410.210.000
Cộng	267.107.230.000	267.107.230.000

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.710.723	26.710.723
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	26.710.723	25.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	26.710.723	25.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	716.060	559.230
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	716.060	559.230
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.994.663	26.151.493
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	25.994.663	26.151.493

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

29. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	51.899.868.732	40.201.413.161
Lợi ích cổ đông thiểu số phát sinh trong năm	3.932.530.000	11.153.027.573
Giảm do chia cổ tức lợi nhuận	(128.576.842)	(3.763.200.000)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	1.858.644.412	4.308.627.998
Số cuối kỳ	57.562.466.302	51.899.868.732

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2012, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2012 (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng doanh thu	652.947.502.381	603.354.979.575
- Doanh thu bán hàng hóa	89.831.286.394	112.665.182.746
- Doanh thu bán thành phẩm	550.944.211.220	485.487.923.524
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.172.004.767	5.201.873.305
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.994.863.626	1.333.400.745
Doanh thu thuần	650.952.638.755	602.021.578.830
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	87.836.422.768	112.665.182.746
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	550.944.211.220	484.154.522.779
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	12.172.004.767	5.201.873.305

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	74.465.116.665	97.938.688.209
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	496.950.817.837	429.265.894.416
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.166.350.306	2.046.521.605
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Cộng	572.582.284.808	529.251.104.230

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi tiền gửi	1.241.277.745	1.518.264.650
Cổ tức, lợi nhuận được chia	100.000.000	169.290.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.315.413.590	2.169.574.000
Cộng	3.656.691.335	3.857.128.650

4. Chi phí tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí lãi vay	25.159.049.980	42.988.249.625
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	563.294.610	765.018.088
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		4.213.925.515
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		763.443.214
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	(1.399.527.566)	4.600.091.786
Chi phí tài chính khác	714.799.488	
Cộng	25.037.616.512	53.330.728.228

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2012, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2012 (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	5.951.280.927	4.953.607.913
Chi phí vật liệu, bao bì	366.789.310	
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	956.860.268	
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.426.332.377	584.391.218
Chi phí bảo hành	338.485.193	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.870.627.763	10.483.461.188
Chi phí bằng tiền khác	8.096.029.995	1.794.771.837
Cộng	25.006.405.833	17.816.232.156

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	5.269.438.959	3.739.603.221
Chi phí vật liệu quản lý	80.486.111	
Chi phí đồ dùng văn phòng	704.946.748	
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.561.585.485	1.265.804.770
Thuế, phí và lệ phí	93.453.158	98.529.462
Chi phí dự phòng	5.398.617.600	1.296.161.300
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.666.865.571	5.976.458.380
Chi phí bằng tiền khác	6.922.254.016	1.337.422.266
Cộng	24.697.647.648	13.713.979.399

7. Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định		33.795.033
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	259.578.702	
Tiền chênh lệch kiểm kê kho	(19.642.140)	
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	146.066.743	132.137.038
Phạt chậm thuế năm trước giảm trừ		306.173.359
Thu nhập khác	144.541.362	
Cộng	530.544.667	472.105.430

8. Chi phí khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý		570.531.002
Phạt do vi phạm hợp đồng	13.800.908	652.647.000
Tiền phạt, truy thu	2.473.196	57.257.683
Giá trị còn lại của phí bảo hiểm		112.901.516
Hàng hóa bị thiếu hụt		126.335.176
Chi phí khác	76.641.692	
Cộng	92.915.796	1.519.672.377

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2012, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2012 (tiếp theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.462.320.511	14.491.129.396
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.462.320.511	14.491.129.396
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	25.824.399	24.743.849
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	134	586

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	26.151.493	24.873.290
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 01/01/2011		285.121
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	(327.094)	(414.562)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	25.824.399	24.743.849

VII. GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2012 DO ĐIỀU CHỈNH

Điều chỉnh do trong quý 3/2012 Công ty đã hợp nhất Công ty con là Công ty Cổ phần Hiway Việt nam nhưng trong quý 4/2012 Công ty đã bán 60% (trong 75%) phần vốn góp của Công ty tại Công ty con cho đơn vị khác, vì vậy công ty đã điều chỉnh lại KQKD quý 3/2012 lại sau khi thoái vốn tại Công ty con. Sau đây là bản giải trình chi tiết KQKD quý 3/2012 số trước điều chỉnh và sau điều chỉnh cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	Quý III/2012		Chênh lệch quý 3/12
	Q3/2012 trước điều chỉnh	Q3/2012 sau điều chỉnh	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	548.521.726.404	491.496.056.264	(57.025.670.140)
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	1.642.902.414	613.565.447	(1.029.336.967)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	546.878.823.990	490.882.490.817	(55.996.333.173)
4. Giá vốn hàng bán	473.378.019.245	418.964.193.910	(54.413.825.335)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	73.500.804.745	71.918.296.907	(1.582.507.838)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	785.894.639	884.837.861	98.943.222
7. Chi phí tài chính	31.619.849.090	31.511.174.048	(108.675.042)
Trong đó: chi phí lãi vay	27.049.063.939	27.086.244.373	37.180.434
8. Chi phí bán hàng	28.418.751.228	19.050.613.651	(9.368.137.577)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2012, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2012 (tiếp theo)

9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	32.658.343.222	16.765.372.154	(15.892.971.068)
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(18.410.244.156)	5.475.974.915	23.886.219.071
11.	Thu nhập khác	2.479.792.467	1.301.378.102	(1.178.414.365)
12.	Chi phí khác	3.412.656.592	3.416.850.752	4.194.160
13.	Lợi nhuận khác	(932.864.125)	(2.115.472.650)	(1.182.608.525)
14.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-
14.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	10.750.845	10.750.845	-
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(19.332.357.436)	3.371.253.110	22.703.610.546
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.120.562.722	1.120.562.722	-
17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	7.165.459	7.165.459	-
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(20.460.085.617)	2.243.524.929	22.703.610.546
18.1.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		-	-
18.2.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		-	-
18.1.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	(4.910.241.847)	773.708.520	5.683.950.367
18.2.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	(15.549.843.770)	1.469.816.409	17.019.660.179

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị		
Tạm ứng đầu tư dự án	165.519.380.000	203.917.800.000
Thanh toán tạm ứng	195.897.080.000	163.862.800.000
Cho Công ty vay vốn kinh doanh	30.000.000.000	
Công ty trả gốc tiền vay	30.000.000.000	

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hội đồng quản trị	56.307.162.629	86.689.862.629
Cộng nợ phải thu	56.307.162.629	86.689.862.629

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2012, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2012 (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh thương mại Vinaconex	Công ty con
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn</i>		
Bán hàng hóa, thành phẩm	223.147.509.689	238.365.237.520
Cho thuê tài sản	121.134.540	179.409.390
Bán tài sản cố định, công cụ dụng cụ thanh lý	54.100.000	441.549.769
Mua lại tài sản của công ty con	10.000.000	109.090.909
Thuê tài sản của công ty con	159.443.880	159.443.880

Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh thương mại Vinaconex

Cho vay	44.970.000.000
Thu nợ gốc vay	12.300.000.000
Lãi cho vay	6.817.885.000

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà

Bán hàng hóa, thành phẩm	98.061.168.407	53.780.557.983
Cho thuê văn phòng, thuê kho, TS	1.031.469.540	450.469.537
Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	54.800.494.248	83.153.463.050
Cho vay vốn		4.000.000.000
Hoàn trả tiền vay vốn		7.000.000.000
Lãi cho vay		455.000.000

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng

Cho vay vốn	15.000.000.000	15.000.000.000
Lãi cho vay	2.032.256.013	3.051.888.887

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn</i>	102.330.091.527	82.770.945.985
Phải thu tiền bán hàng hóa, thành phẩm	94.962.152.455	75.403.006.913
Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	7.367.939.072	7.367.939.072

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2012, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2012 (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex	67.088.032.598	31.458.234.598
Phải thu về cho vay dài hạn	12.563.428.598	30.013.428.598
Phải thu về cho vay ngắn hạn	44.970.000.000	-
Phải thu về lãi vay	9.554.604.000	1.444.806.000
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	6.409.179.305	10.724.588.113
Phải thu tiền bán hàng hóa, thành phẩm	6.409.179.305	10.724.588.113
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng	20.084.144.900	17.384.388.887
Phải thu về cho vay dài hạn	20.084.144.900	15.000.000.000
Phải thu về lãi cho vay		2.384.388.887
Cộng nợ phải thu	195.911.448.330	142.338.157.583

Lập, ngày 15 tháng 02 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lê Thị Thanh Huyền

Nguyễn Thị Như Dung

Lê Hoàng Hà